



**Công ty Cổ phần Thủy điện Thác Mơ**

Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ  
cho kỳ sáu tháng kết thúc  
ngày 30 tháng 6 năm 2021



**Công ty Cổ phần Thủy điện Thác Mơ**  
**Thông tin về Công ty**

**Giấy Chứng nhận Đăng ký** 4403000108 ngày 1 tháng 1 năm 2008  
**Kinh doanh/Doanh nghiệp số** 3800311306 ngày 20 tháng 5 năm 2021

Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh/Doanh nghiệp đã được điều chỉnh nhiều lần, và lần thay đổi gần đây nhất là Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp số 3800311306 ngày 20 tháng 5 năm 2021. Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh/Doanh nghiệp đầu tiên và các giấy chứng nhận điều chỉnh do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bình Phước cấp.

<b>Hội đồng Quản trị</b>	Ông Huỳnh Văn Khánh Ông Nguyễn Quang Quyền Ông Lê Tuấn Hải Ông Nguyễn Văn Non	Chủ tịch Thành viên Thành viên Thành viên
<b>Ban Kiểm soát</b>	Ông Hồ Thành Công Bà Lại Lệ Hương Bà Lê Nguyễn Khánh Linh	Trưởng ban Kiểm soát Thành viên Thành viên (đến ngày 16 tháng 6 năm 2021)
<b>Ban Tổng Giám đốc</b>	Ông Nguyễn Văn Non Ông Nguyễn Hùng Lượng Ông Đinh Văn Sơn	Tổng Giám đốc (từ ngày 15 tháng 5 năm 2021) Phó Tổng Giám đốc Phó Tổng Giám đốc
<b>Người đại diện theo pháp luật</b>	Ông Nguyễn Văn Non Ông Nguyễn Hùng Lượng	Tổng Giám đốc (từ ngày 15 tháng 5 năm 2021) Phó Tổng Giám đốc (đến ngày 15 tháng 5 năm 2021)
<b>Trụ sở đăng ký</b>	Khu 5, Phường Thác Mơ Thị xã Phước Long Tỉnh Bình Phước Việt Nam	
<b>Công ty kiểm toán</b>	Công ty TNHH KPMG Việt Nam	



**Công ty Cổ phần Thủy điện Thác Mơ**  
**Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc**

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Thủy điện Thác Mơ (“Công ty”) trình bày báo cáo này và báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ đính kèm của Công ty và các công ty con (được gọi chung là “Nhóm Công ty”) cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2021.

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ. Theo ý kiến của Ban Tổng Giám đốc Công ty:

- (a) báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ được trình bày từ trang 5 đến trang 44 đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính hợp nhất của Nhóm Công ty tại ngày 30 tháng 6 năm 2021, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của Nhóm Công ty cho kỳ sáu tháng kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ; và
- (b) tại ngày lập báo cáo này, không có lý do gì để Ban Tổng Giám đốc Công ty cho rằng Nhóm Công ty sẽ không thể thanh toán các khoản nợ phải trả khi đến hạn.

Tại ngày lập báo cáo này, Ban Tổng Giám đốc Công ty đã phê duyệt phát hành báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ đính kèm.

Thay mặt Ban Tổng Giám đốc   
  
Nguyễn Văn Non  
Tổng Giám đốc

Bình Phước, ngày 16 tháng 8 năm 2021

16/8/2021



KPMG Limited Branch  
10<sup>th</sup> Floor, Sun Wah Tower  
115 Nguyen Hue Street, Ben Nghe Ward  
District 1, Ho Chi Minh City, Vietnam  
+84 (28) 3821 9266 | kpmg.com.vn

## **BÁO CÁO SOÁT XÉT THÔNG TIN TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ**

### **Kính gửi các Cổ đông Công ty Cổ phần Thủy điện Thác Mơ**

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ đính kèm của Công ty Cổ phần Thủy điện Thác Mơ ("Công ty") và các công ty con (được gọi chung là "Nhóm Công ty"), bao gồm bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 30 tháng 6 năm 2021, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất liên quan cho kỳ sáu tháng kết thúc cùng ngày và các thuyết minh kèm theo được Ban Tổng Giám đốc Công ty phê duyệt phát hành ngày 16 tháng 8 năm 2021, được trình bày từ trang 5 đến trang 44.

### **Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc**

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ này theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ, và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo việc lập báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ không có sai sót trọng yếu do gian lận hay nhầm lẫn.

### **Trách nhiệm của kiểm toán viên**

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra kết luận về báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ này dựa trên kết quả soát xét của chúng tôi. Chúng tôi đã thực hiện công việc soát xét theo Chuẩn mực Việt Nam về hợp đồng dịch vụ soát xét số 2410 – *Soát xét thông tin tài chính giữa niên độ do kiểm toán viên độc lập của đơn vị thực hiện*.

Công việc soát xét thông tin tài chính giữa niên độ bao gồm việc thực hiện các cuộc phỏng vấn, chủ yếu là phỏng vấn những người chịu trách nhiệm về các vấn đề tài chính kế toán, và thực hiện thủ tục phân tích và các thủ tục soát xét khác. Một cuộc soát xét về cơ bản có phạm vi hẹp hơn một cuộc kiểm toán được thực hiện theo các Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam và do vậy không cho phép chúng tôi đạt được sự đảm bảo rằng chúng tôi sẽ nhận biết được tất cả các vấn đề trọng yếu có thể được phát hiện trong một cuộc kiểm toán. Theo đó, chúng tôi không đưa ra ý kiến kiểm toán.

### Kết luận của kiểm toán viên

Căn cứ trên kết quả soát xét của chúng tôi, chúng tôi không thấy có vấn đề gì khiến chúng tôi cho rằng báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ đính kèm đã không phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính hợp nhất của Công ty Cổ phần Thủy điện Thác Mơ và các công ty con tại ngày 30 tháng 6 năm 2021, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của Công ty Cổ phần Thủy điện Thác Mơ và các công ty con cho kỳ sáu tháng kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ.

### Chi nhánh Công ty TNHH KPMG tại Thành phố Hồ Chí Minh

Việt Nam

Báo cáo soát xét số: 20-01-00326-21-4



Nelson Rodríguez Casihan  
Giấy Chứng nhận Đăng ký Hành nghề  
Kiểm toán số 2225-2018-007-1  
Phó Tổng Giám đốc

Trương Vĩnh Phúc  
Giấy Chứng nhận Đăng ký Hành nghề  
Kiểm toán số 1901-2018-007-1

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 16 tháng 8 năm 2021



**Công ty Cổ phần Thủy điện Thác Mơ**  
**Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 30 tháng 6 năm 2021**

**Mẫu B 01a – DN/HN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

	<b>Mã số</b>	<b>Thuyết minh</b>	<b>30/6/2021 VND</b>	<b>1/1/2021 VND</b>
<b>TÀI SẢN</b>				
<b>Tài sản ngắn hạn</b> (100 = 110 + 120 + 130 + 140 + 150)	<b>100</b>		<b>593.934.091.604</b>	<b>881.338.885.561</b>
<b>Tiền và các khoản tương đương tiền</b>	<b>110</b>	<b>6</b>	<b>28.046.172.315</b>	<b>64.340.714.699</b>
Tiền	111		4.626.172.315	2.440.714.699
Các khoản tương đương tiền	112		23.420.000.000	61.900.000.000
<b>Đầu tư tài chính ngắn hạn</b>	<b>120</b>	<b>7(a)</b>	<b>346.500.000.000</b>	<b>674.000.000.000</b>
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123		346.500.000.000	674.000.000.000
<b>Các khoản phải thu ngắn hạn</b>	<b>130</b>		<b>215.311.203.613</b>	<b>130.497.450.090</b>
Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	8	173.869.377.792	89.944.848.866
Trả trước cho người bán ngắn hạn	132		3.899.189.761	2.435.200.201
Phải thu về cho vay ngắn hạn	135		-	203.000.000
Phải thu ngắn hạn khác	136	9	45.613.396.231	45.985.161.194
Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137	10	(8.070.760.171)	(8.070.760.171)
<b>Hàng tồn kho</b>	<b>140</b>	<b>11</b>	<b>3.165.518.970</b>	<b>2.495.674.836</b>
Hàng tồn kho	141		3.165.518.970	2.495.674.836
<b>Tài sản ngắn hạn khác</b>	<b>150</b>		<b>911.196.706</b>	<b>10.005.045.936</b>
Chi phí trả trước ngắn hạn	151		574.785.056	261.320.701
Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152		-	9.743.725.235
Thuế phải thu Nhà nước	153	18(b)	336.411.650	-

12/1  
 HI T  
 NG  
 KI  
 PH

*Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ này*

**Công ty Cổ phần Thủy điện Thác Mơ**  
**Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 30 tháng 6 năm 2021 (tiếp theo)**

**Mẫu B 01a – DN/HN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

	<b>Mã số</b>	<b>Thuyết minh</b>	<b>30/6/2021 VND</b>	<b>1/1/2021 VND</b>
<b>Tài sản dài hạn (200 = 220 + 240 + 250 + 260)</b>	<b>200</b>		<b>1.259.353.323.583</b>	<b>1.145.461.961.329</b>
<b>Tài sản cố định</b>	<b>220</b>		<b>987.385.031.281</b>	<b>934.362.329.368</b>
Tài sản cố định hữu hình	221	12	972.195.191.741	918.853.807.100
<i>Nguyên giá</i>	222		3.173.556.501.145	3.078.236.788.690
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	223		(2.201.361.309.404)	(2.159.382.981.590)
Tài sản cố định vô hình	227	13	15.189.839.540	15.508.522.268
<i>Nguyên giá</i>	228		20.819.451.225	20.819.451.225
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	229		(5.629.611.685)	(5.310.928.957)
<b>Tài sản dở dang dài hạn</b>	<b>240</b>		<b>4.597.040.173</b>	<b>2.869.359.794</b>
Xây dựng cơ bản dở dang	242	14	4.597.040.173	2.869.359.794
<b>Đầu tư tài chính dài hạn</b>	<b>250</b>	<b>7(b)</b>	<b>258.669.828.000</b>	<b>198.691.705.000</b>
Đầu tư vào công ty liên kết	252		107.809.828.000	47.831.705.000
Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253		150.860.000.000	150.860.000.000
<b>Tài sản dài hạn khác</b>	<b>260</b>		<b>8.701.424.129</b>	<b>9.538.567.167</b>
Chi phí trả trước dài hạn	261	15	4.550.545.772	5.318.549.043
Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262	16	1.009.107.628	1.074.355.982
Thiết bị, vật tư, phụ tùng thay thế dài hạn	263		3.141.770.729	3.145.662.142
<b>TỔNG TÀI SẢN (270 = 100 + 200)</b>	<b>270</b>		<b>1.853.287.415.187</b>	<b>2.026.800.846.890</b>

*Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ này*

**Công ty Cổ phần Thủy điện Thác Mơ**

**Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 30 tháng 6 năm 2021 (tiếp theo)**

**Mẫu B 01a – DN/HN**

(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

	Mã số	Thuyết minh	30/6/2021 VND	1/1/2021 VND
<b>NGUỒN VỐN</b>				
<b>NỢ PHẢI TRẢ (300 = 310 + 330)</b>	<b>300</b>		<b>654.403.939.824</b>	<b>464.014.884.873</b>
<b>Nợ ngắn hạn</b>	<b>310</b>		<b>206.229.618.542</b>	<b>125.324.366.141</b>
Phải trả người bán ngắn hạn	311	17	25.676.103.267	63.491.259.254
Người mua trả tiền trước	312		240.000.000	240.000.000
Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	18(a)	45.450.739.299	26.181.340.770
Phải trả người lao động	314		7.409.026.305	16.799.178.001
Chi phí phải trả ngắn hạn	315	19	7.188.814.699	1.005.357.930
Phải trả ngắn hạn khác	319	20	98.891.563.184	9.780.386.894
Vay ngắn hạn	320	21(a)	16.587.415.296	3.000.000.000
Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322	22	4.785.956.492	4.826.843.292
<b>Nợ dài hạn</b>	<b>330</b>		<b>448.174.321.282</b>	<b>338.690.518.732</b>
Vay dài hạn	338	21(b)	441.884.704.782	332.364.939.732
Dự phòng phải trả dài hạn	342		2.569.616.500	2.605.579.000
Quỹ phát triển khoa học và công nghệ	343		3.720.000.000	3.720.000.000
<b>VỐN CHỦ SỞ HỮU (400 = 410)</b>	<b>400</b>		<b>1.198.883.475.363</b>	<b>1.562.785.962.017</b>
<b>Vốn chủ sở hữu</b>	<b>410</b>	<b>23</b>	<b>1.198.883.475.363</b>	<b>1.562.785.962.017</b>
Vốn cổ phần	411	24	700.000.000.000	700.000.000.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		700.000.000.000	700.000.000.000
Vốn khác của chủ sở hữu	414		56.454.368.091	56.454.368.091
Quỹ đầu tư phát triển	418	26	235.522.191.215	178.253.506.741
Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		167.218.554.615	583.719.012.035
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối năm trước	421a		13.563.829.389	405.502.239.990
- LNST chưa phân phối kỳ này/năm nay	421b		153.654.725.226	178.216.772.045
Lợi ích cổ đông không kiểm soát	429		39.688.361.442	44.359.075.150
<b>TỔNG NGUỒN VỐN (440 = 300 + 400)</b>	<b>440</b>		<b>1.853.287.415.187</b>	<b>2.026.800.846.890</b>

Ngày 16 tháng 8 năm 2021

Người lập:



Đâu Đình Trung  
Kế toán tổng hợp

Người duyệt:



Bùi Thị Kim Na  
Kế toán trưởng



Nguyễn Văn Non  
Tổng Giám đốc

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ này



**Công ty Cổ phần Thủy điện Thác Mơ**

**Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2021**

**Mẫu B 02a – DN/HN**

*(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

	Mã số	Thuyết minh	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày	
			30/6/2021 VND	30/6/2020 VND
Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	28	309.547.245.383	205.047.049.386
Giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp	11	29	110.459.779.045	84.987.099.156
<b>Lợi nhuận gộp (20 = 01 - 11)</b>	<b>20</b>		<b>199.087.466.338</b>	<b>120.059.950.230</b>
Doanh thu hoạt động tài chính	21	30	12.782.559.770	27.750.396.050
Chi phí tài chính	22		15.232.088.045	6.344.725.954
<i>Trong đó: Chi phí lãi vay</i>	23		<i>15.232.088.045</i>	<i>6.344.725.954</i>
Phần lãi trong công ty liên kết	24	7(b)(i)	7.978.123.000	2.493.634.491
Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	31	19.070.660.563	17.379.459.366
<b>Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh [30 = 20 + (21 - 22) + 24 - 26]</b>	<b>30</b>		<b>185.545.400.500</b>	<b>126.579.795.451</b>
<b>Lợi nhuận kế toán trước thuế (50 = 30)</b>	<b>50</b>		<b>185.545.400.500</b>	<b>126.579.795.451</b>
Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	33	29.957.180.800	25.187.048.735
Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52	33	65.248.354	65.248.354
<b>Lợi nhuận sau thuế TNDN (60 = 50 - 51 - 52)</b>	<b>60</b>		<b>155.522.971.346</b>	<b>101.327.498.362</b>
<b>Phân bổ:</b>				
Lợi nhuận sau thuế của công ty mẹ	61		153.654.725.226	99.663.091.196
Lợi nhuận sau thuế của cổ đông không kiểm soát	62		1.868.246.120	1.664.407.166
<b>Lãi trên cổ phiếu</b>				
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	34	2.195	1.424

Ngày 16 tháng 8 năm 2021

Người lập:



Đâu Đình Trung  
Kế toán tổng hợp

Người duyệt:



Bùi Thị Kim Na  
Kế toán trưởng



Nguyễn Văn Non  
Tổng Giám đốc

*Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ này*

**Công ty Cổ phần Thủy điện Thác Mơ**  
**Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm**  
**2021 (Phương pháp gián tiếp)**

**Mẫu B 03a – DN/HN**

*(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC  
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

	Mã số	Thuyết minh	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày	
			30/6/2021 VND	30/6/2020 VND
<b>LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH</b>				
<b>Lợi nhuận kế toán trước thuế</b>	<b>01</b>		<b>185.545.400.500</b>	<b>126.579.795.451</b>
<b>Điều chỉnh cho các khoản</b>				
Khấu hao và phân bổ	02		42.297.010.542	20.380.255.499
Các khoản dự phòng	03		(35.962.500)	-
Lãi từ hoạt động đầu tư	05		(20.760.682.770)	(30.244.030.541)
Chi phí lãi vay	06		15.232.088.045	6.344.725.954
<b>Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước những thay đổi vốn lưu động</b>	<b>08</b>		<b>222.277.853.817</b>	<b>123.060.746.363</b>
Biến động các khoản phải thu	09		(75.042.134.740)	83.250.972.551
Biến động hàng tồn kho	10		(665.952.721)	(1.538.942.461)
Biến động các khoản phải trả và nợ phải trả khác	11		(3.476.102.806)	(30.064.269.137)
Biến động chi phí trả trước	12		454.538.916	(5.003.790.527)
			<b>143.548.202.466</b>	<b>169.704.716.789</b>
Tiền lãi vay đã trả	14		(14.694.557.258)	(6.656.008.818)
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15		(12.926.178.722)	(51.705.964.428)
Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17		(7.153.230.800)	(5.695.685.000)
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh</b>	<b>20</b>		<b>108.774.235.686</b>	<b>105.647.058.543</b>
<b>LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ</b>				
Tiền chi mua tài sản cố định và tài sản dài hạn khác	21		(133.165.605.813)	(3.456.962.093)
Tiền chi cho tiền gửi có kỳ hạn và cho vay	23		(241.297.000.000)	(598.000.000.000)
Tiền thu từ tiền gửi có kỳ hạn và cho vay	24		569.000.000.000	832.703.000.000
Tiền chi đầu tư góp vốn vào các đơn vị khác	25		(52.000.000.000)	-
Tiền thu lãi tiền gửi, cho vay và cổ tức	27		12.551.666.222	33.692.814.050
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư</b>	<b>30</b>		<b>155.089.060.409</b>	<b>264.938.851.957</b>

*Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ này*

**Công ty Cổ phần Thủy điện Thác Mơ**  
**Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2021 (Phương pháp gián tiếp – tiếp theo)**

**Mẫu B 03a – DN/HN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

		<b>Kỳ sáu tháng kết thúc ngày</b>	
<b>Mã Thuyết</b>		<b>30/6/2021</b>	<b>30/6/2020</b>
<b>số minh</b>		<b>VND</b>	<b>VND</b>

**LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH**

Tiền thu từ đi vay	33	124.607.180.346	-
Tiền trả nợ gốc vay	34	(1.500.000.000)	(61.459.987.800)
Tiền chi trả cổ tức cho cổ đông của công ty mẹ	36	(417.666.467.800)	(104.259.632.000)
Tiền chi trả cổ tức cho các cổ đông không kiểm soát	36	(5.598.551.025)	(7.059.208.625)
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</b>	<b>40</b>	<b>(300.157.838.479)</b>	<b>(172.778.828.425)</b>
<b>Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ (50 = 20 + 30 + 40)</b>	<b>50</b>	<b>(36.294.542.384)</b>	<b>197.807.082.075</b>
<b>Tiền và các khoản tương đương tiền đầu kỳ</b>	<b>60</b>	<b>64.340.714.699</b>	<b>30.574.748.245</b>
<b>Tiền và các khoản tương đương tiền cuối kỳ (70 = 50 + 60)</b>	<b>70</b>	<b>28.046.172.315</b>	<b>228.381.830.320</b>

Ngày 16 tháng 8 năm 2021

Người lập:



**Đâu Đình Trung**  
 Kế toán tổng hợp

Người duyệt:




**Bùi Thị Kim Na**  
 Kế toán trưởng

**Nguyễn Văn Non**  
 Tổng Giám đốc

*Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ này*

**Công ty Cổ phần Thủy điện Thác Mơ**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày**  
**30 tháng 6 năm 2021**

**Mẫu B 09a – DN/HN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC*  
*ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ đính kèm.

**1. Đơn vị báo cáo**

**(a) Hình thức sở hữu vốn**

Công ty Cổ phần Thủy điện Thác Mơ (“Công ty”) là một công ty cổ phần được thành lập tại Việt Nam. Công ty được thành lập trên cơ sở cổ phần hóa Công ty Thủy điện Thác Mơ thuộc Tập đoàn Điện lực Việt Nam theo Quyết định số 3946/QĐ-BCN ngày 29 tháng 12 năm 2006 của Bộ Công nghiệp (nay là Bộ Công thương).

Ngày 18 tháng 6 năm 2009, cổ phiếu của Công ty chính thức được giao dịch trên Sở giao dịch chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh theo quyết định số 53/QĐ-SGDHCM ngày 8 tháng 6 năm 2009 của Sở giao dịch chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh, với mã chứng khoán là TMP.

Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ bao gồm Công ty và các công ty con (được gọi chung là “Nhóm Công ty”) và lợi ích của Nhóm Công ty trong các công ty liên kết.

**(b) Hoạt động sản xuất kinh doanh**

Các hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty là:

- Sản xuất và kinh doanh điện năng (thủy điện);
- Đào tạo và phát triển nguồn nhân lực về quản lý và vận hành, bảo dưỡng và sửa chữa thiết bị nhà máy điện;
- Mua bán xuất nhập khẩu vật tư thiết bị;
- Tư vấn lập dự án đầu tư xây dựng, quản lý dự án đầu tư xây dựng, giám sát thi công xây lắp;
- Thí nghiệm hiệu chỉnh thiết bị điện; chế tạo thí nghiệm thiết bị điện, cơ khí quan trắc công trình, thí nghiệm các sản phẩm dầu mỡ sử dụng trong nhà máy điện;
- Đầu tư xây dựng các dự án nguồn điện; xây lắp đường dây và trạm biến áp;
- Kinh doanh bất động sản, kinh doanh dịch vụ cho thuê văn phòng;
- Khai thác lọc nước và kinh doanh dịch vụ cấp nước sinh hoạt, công nghiệp;
- Sản xuất kinh doanh nước uống tinh khiết;
- Trồng khai thác cây công nghiệp, cây lâm nghiệp;
- Cho thuê phương tiện giao thông;
- Dịch vụ nhà nghỉ, dịch vụ du lịch; và
- Quản lý, vận hành, bảo dưỡng, sửa chữa cải tạo và lắp đặt các thiết bị điện, các công trình thủy công, công trình kiến trúc của các nhà máy điện.

**(c) Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường**

Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường của Nhóm Công ty nằm trong phạm vi 12 tháng.



**Công ty Cổ phần Thủy điện Thác Mơ**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày**  
**30 tháng 6 năm 2021 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09a – DN/HN**  
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC  
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

**(b) Cơ sở đo lường**

Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ, trừ báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất, được lập trên cơ sở dồn tích theo nguyên tắc giá gốc. Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất được lập theo phương pháp gián tiếp.

**(c) Kỳ kế toán năm**

Kỳ kế toán năm của Nhóm Công ty là từ ngày 1 tháng 1 đến ngày 31 tháng 12. Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ được lập cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6.

**(d) Đơn vị tiền tệ kế toán và trình bày báo cáo tài chính**

Đơn vị tiền tệ kế toán của Công ty là Đồng Việt Nam (“VND”), cũng là đơn vị tiền tệ được sử dụng cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính.

**3. Tóm tắt những chính sách kế toán chủ yếu**

Sau đây là những chính sách kế toán chủ yếu được Nhóm Công ty áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ này. Những chính sách kế toán được Công ty áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính giữa niên độ này nhất quán với các chính sách kế toán được áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính năm gần nhất.

**(a) Cơ sở hợp nhất**

**(i) Công ty con**

Các công ty con là các công ty chịu sự kiểm soát của Nhóm Công ty. Các báo cáo tài chính của các công ty con được hợp nhất trong báo cáo tài chính hợp nhất kể từ ngày quyền kiểm soát bắt đầu có hiệu lực đến ngày quyền kiểm soát chấm dứt.

**(ii) Lợi ích cổ đông không kiểm soát**

Lợi ích cổ đông không kiểm soát được xác định theo tỷ lệ phần sở hữu của cổ đông không kiểm soát trong tài sản thuần của đơn vị bị mua lại tại ngày mua.

Việc thoái vốn của Nhóm Công ty trong công ty con mà không dẫn đến mất quyền kiểm soát được kế toán tương tự như các giao dịch vốn chủ sở hữu. Chênh lệch giữa giá trị thay đổi phần sở hữu của Nhóm Công ty trong tài sản thuần của công ty con và số thu hoặc chi từ việc thoái vốn tại công ty con được ghi nhận vào lợi nhuận sau thuế chưa phân phối thuộc vốn chủ sở hữu.

**Công ty Cổ phần Thủy điện Thác Mơ**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày**  
**30 tháng 6 năm 2021 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09a – DN/HN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC*  
*ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

**(iii) *Mất quyền kiểm soát***

Khi mất quyền kiểm soát tại một công ty con, Nhóm Công ty dùng ghi nhận tài sản và nợ phải trả của công ty con cũng như lợi ích cổ đông không kiểm soát và các cấu phần vốn chủ sở hữu khác. Lãi hoặc lỗ phát sinh từ sự kiện này được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất. Sau khi thoái vốn phần lợi ích còn lại trong công ty con trước đó (nếu có) được ghi nhận theo giá trị ghi sổ còn lại của khoản đầu tư trên báo cáo tài chính hợp nhất của công ty mẹ, sau khi được điều chỉnh theo tỷ lệ tương ứng cho những thay đổi trong vốn chủ sở hữu kể từ ngày mua nếu Nhóm Công ty vẫn còn ảnh hưởng đáng kể trong đơn vị nhận đầu tư, hoặc trình bày theo giá gốc của khoản đầu tư còn lại nếu không còn ảnh hưởng đáng kể.

**(iv) *Công ty liên kết***

Công ty liên kết là công ty mà Nhóm Công ty có ảnh hưởng đáng kể, nhưng không kiểm soát, các chính sách tài chính và hoạt động của công ty. Công ty liên kết được hạch toán theo phương pháp vốn chủ sở hữu. Báo cáo tài chính hợp nhất bao gồm phần mà Nhóm Công ty được hưởng trong thu nhập và chi phí của công ty liên kết, sau khi điều chỉnh theo chính sách kế toán của Nhóm Công ty, từ ngày bắt đầu cho tới ngày chấm dứt sự ảnh hưởng đáng kể đối với công ty liên kết. Giá trị ghi sổ của các khoản đầu tư vào công ty liên kết cũng được điều chỉnh cho những thay đổi về lợi ích của Nhóm Công ty trong đơn vị nhận đầu tư phát sinh từ những thay đổi vốn chủ sở hữu của công ty liên kết mà không phản ánh trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh (như việc đánh giá lại tài sản cố định, hay chênh lệch tỷ giá do chuyển đổi báo cáo tài chính, v.v...).

Khi phần lỗ của công ty liên kết mà Nhóm Công ty phải chia sẽ vượt quá lợi ích của Nhóm Công ty trong công ty liên kết, giá trị ghi sổ của khoản đầu tư (bao gồm các khoản đầu tư dài hạn, nếu có) sẽ được ghi giảm tới bằng không và dừng việc ghi nhận các khoản lỗ phát sinh trong tương lai trừ các khoản lỗ thuộc phạm vi mà Nhóm Công ty có nghĩa vụ phải trả hoặc đã trả thay cho công ty liên kết.

**(v) *Các giao dịch được loại trừ khi hợp nhất***

Các số dư và giao dịch trong nội bộ Nhóm Công ty và các khoản thu nhập và chi phí chưa thực hiện từ các giao dịch nội bộ được loại trừ khi lập báo cáo tài chính hợp nhất. Lãi và lỗ chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch với công ty liên kết được hạch toán theo phương pháp vốn chủ sở hữu được trừ vào khoản đầu tư trong phạm vi lợi ích của Nhóm Công ty tại công ty liên kết.

**(b) *Các giao dịch bằng ngoại tệ***

Các giao dịch bằng các đơn vị tiền khác VND trong kỳ được quy đổi sang VND theo tỷ giá xấp xỉ với tỷ giá thực tế tại ngày giao dịch.

Các khoản mục tài sản và nợ phải trả có gốc bằng đơn vị tiền tệ khác VND được quy đổi sang VND theo tỷ giá trung bình của tỷ giá mua chuyển khoản và tỷ giá bán chuyển khoản của ngân hàng thương mại nơi Công ty và các công ty con thường xuyên có giao dịch tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

**Công ty Cổ phần Thủy điện Thác Mơ**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày**  
**30 tháng 6 năm 2021 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09a – DN/HN**  
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC  
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

**(c) Tiền và các khoản tương đương tiền**

Tiền bao gồm tiền mặt và tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn. Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có tính thanh khoản cao, có thể dễ dàng chuyển đổi thành một lượng tiền xác định, không có nhiều rủi ro về thay đổi giá trị và được sử dụng cho mục đích đáp ứng các cam kết chi tiền ngắn hạn hơn là cho mục đích đầu tư hay là các mục đích khác.

**(d) Các khoản đầu tư**

**(i) Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn**

Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn là các khoản đầu tư mà Ban Tổng Giám đốc Công ty và các công ty con dự định và có khả năng nắm giữ đến ngày đáo hạn. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn và phải thu về cho vay nắm giữ đến ngày đáo hạn. Các khoản đầu tư này được ghi nhận theo giá gốc trừ đi dự phòng phải thu khó đòi.

**(ii) Đầu tư góp vốn vào các đơn vị khác**

Đầu tư vào các công cụ vốn chủ sở hữu của các đơn vị khác được ghi nhận ban đầu theo giá gốc bao gồm giá mua và các chi phí mua có liên quan trực tiếp. Sau ghi nhận ban đầu, các khoản đầu tư này được xác định theo giá gốc trừ đi dự phòng giảm giá đầu tư. Dự phòng giảm giá đầu tư được lập khi giá trị hợp lý của khoản đầu tư thấp hơn giá trị ghi sổ của khoản đầu tư này. Đối với khoản đầu tư không xác định được giá trị hợp lý tại ngày kết thúc kỳ kế toán, dự phòng giảm giá đầu tư được lập khi đơn vị nhận đầu tư phát sinh lỗ. Dự phòng giảm giá đầu tư được hoàn nhập khi giá trị hợp lý của chứng khoán tăng lên hoặc khi đơn vị nhận đầu tư sau đó tạo ra lợi nhuận để bù trừ cho các khoản lỗ đã được lập dự phòng trước kia. Khoản dự phòng chỉ được hoàn nhập trong phạm vi sao cho giá trị ghi sổ của khoản đầu tư không vượt quá giá trị ghi sổ của chúng khi giá định không có khoản dự phòng nào đã được ghi nhận.

**(e) Các khoản phải thu**

Phải thu khách hàng và phải thu khác được phản ánh theo giá gốc trừ đi dự phòng phải thu khó đòi.

**(f) Hàng tồn kho**

Hàng tồn kho được phản ánh theo giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc được tính theo phương pháp bình quân gia quyền và bao gồm tất cả các chi phí phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Đối với chi phí sản xuất kinh doanh dở dang, giá gốc bao gồm nguyên vật liệu, chi phí nhân công trực tiếp và các chi phí sản xuất chung được phân bổ. Giá trị thuần có thể thực hiện được ước tính dựa vào giá bán của hàng tồn kho trừ đi các khoản chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm và các chi phí bán hàng trực tiếp.

Nhóm Công ty áp dụng phương pháp kê khai thường xuyên để hạch toán hàng tồn kho.

201  
Á  
T  
H  
T



**Công ty Cổ phần Thủy điện Thác Mơ**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày**  
**30 tháng 6 năm 2021 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09a – DN/HN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC*  
*ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

**(g) Tài sản cố định hữu hình**

**(i) Nguyên giá**

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua, thuế nhập khẩu, các loại thuế mua hàng không được hoàn lại và chi phí liên quan trực tiếp để đưa tài sản đến vị trí và trạng thái hoạt động cho mục đích sử dụng đã dự kiến. Các chi phí phát sinh sau khi tài sản cố định hữu hình đã đưa vào hoạt động như chi phí sửa chữa, bảo dưỡng và đại tu được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất trong kỳ mà chi phí phát sinh. Trong các trường hợp có thể chứng minh một cách rõ ràng rằng các khoản chi phí này làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai dự tính thu được từ việc sử dụng tài sản cố định hữu hình vượt trên mức hoạt động tiêu chuẩn theo như đánh giá ban đầu, thì các chi phí này được vốn hóa như một khoản nguyên giá tăng thêm của tài sản cố định hữu hình.

**(ii) Khấu hao**

Khấu hao được tính theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính của tài sản cố định hữu hình. Thời gian hữu dụng ước tính như sau:

▪ nhà cửa, vật kiến trúc	8 – 30 năm
▪ máy móc và thiết bị	7 – 15 năm
▪ phương tiện vận chuyển	8 – 20 năm
▪ thiết bị văn phòng	5 – 11 năm

**(h) Tài sản cố định vô hình**

**(i) Quyền sử dụng đất**

Quyền sử dụng đất gồm:

- quyền sử dụng đất được Nhà nước giao có thu tiền sử dụng đất;
- quyền sử dụng đất nhận chuyển nhượng hợp pháp; và
- quyền sử dụng đất thuê trước ngày có hiệu lực của Luật Đất đai năm 2003 mà tiền thuê đất đã được trả trước cho thời hạn dài hơn 5 năm và được cơ quan có thẩm quyền cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

Quyền sử dụng đất được thể hiện theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá ban đầu của quyền sử dụng đất bao gồm giá mua và các chi phí liên quan trực tiếp tới việc có được quyền sử dụng đất. Khấu hao được tính theo phương pháp đường thẳng trong vòng 29 đến 50 năm.

**(ii) Phần mềm máy vi tính**

Giá mua của phần mềm máy vi tính mới mà phần mềm này không phải là một bộ phận gắn kết với phần cứng có liên quan thì được vốn hóa và hạch toán như tài sản cố định vô hình. Phần mềm máy vi tính được tính khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong vòng 3 năm.



**Công ty Cổ phần Thủy điện Thác Mơ**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày**  
**30 tháng 6 năm 2021 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09a – DN/HN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC*  
*ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

**(i) Xây dựng cơ bản dở dang**

Xây dựng cơ bản dở dang là giá trị các công trình đầu tư xây dựng và công trình sửa chữa lớn tài sản cố định dở dang tại Nhóm Công ty được xác định trên cơ sở chi phí thực tế phát sinh đến cuối kỳ kế toán năm đối với các công trình tự làm hoặc theo khối lượng thực tế thanh toán với bên thi công trên cơ sở hoá đơn cho khối lượng hoàn thành hoặc hạng mục bàn giao đối với các công trình thuê bên ngoài thực hiện. Chi phí này bao gồm các chi phí cần thiết để hình thành tài sản bao gồm chi phí xây lắp, thiết bị, chi phí trực tiếp khác, chi phí chung được phân bổ và chi phí lãi vay có liên quan phù hợp với quy định hiện hành. Xây dựng cơ bản dở dang sẽ được chuyển sang nguyên giá tài sản cố định theo giá tạm tính (nếu chưa có quyết toán được phê duyệt) khi các tài sản được bàn giao đưa vào sử dụng. Không tính khấu hao cho xây dựng cơ bản dở dang trong quá trình xây dựng và lắp đặt.

Theo hướng dẫn của Chế độ Kế toán EVN, chi phí sửa chữa lớn tài sản cố định được ghi nhận vào giá vốn hàng bán trong kỳ dựa trên kế hoạch sửa chữa lớn hàng năm được phê duyệt bởi Hội đồng Quản trị của Công ty và được điều chỉnh vào cuối năm dựa trên cơ sở chi phí thực tế phát sinh. Chi phí của các công trình sửa chữa lớn đã phát sinh nhưng chưa quyết toán được theo dõi trên số dư tài khoản “Xây dựng cơ bản dở dang” đồng thời với tài khoản “Chi phí phải trả ngắn hạn” trên bảng cân đối kế toán. Khi quyết toán các công trình sửa chữa lớn tài sản cố định, giá trị quyết toán sẽ được hạch toán bù trừ giữa hai khoản mục trên. Hướng dẫn của Chế độ Kế toán EVN có sự khác biệt so với hướng dẫn của Chuẩn mực Kế toán Việt Nam số 18 – *Các khoản dự phòng, tài sản và nợ tiềm tàng* (“VAS 18”) mà theo đó một khoản dự phòng chỉ được ghi nhận khi doanh nghiệp có nghĩa vụ pháp lý hiện tại hoặc liên đới do kết quả của một sự kiện trong quá khứ có thể ước tính một cách đáng tin cậy, và chắc chắn sẽ làm giảm sút các lợi ích kinh tế trong tương lai để thanh toán các khoản nợ phải trả do nghĩa vụ đó.

Nếu Nhóm Công ty ghi nhận chi phí sửa chữa lớn tài sản cố định theo hướng dẫn của VAS 18 thì số dư của các khoản mục “Xây dựng cơ bản dở dang” và “Chi phí phải trả ngắn hạn” trên bảng cân đối kế toán hợp nhất của Nhóm Công ty tại ngày 30 tháng 6 năm 2021 sẽ cùng giảm số tiền là 1.463.617.245 VND (Thuyết minh 14 và Thuyết minh 19).

**(j) Phải trả người bán và phải trả khác**

Phải trả người bán và phải trả khác thể hiện theo giá gốc.

**(k) Dự phòng**

Một khoản dự phòng được ghi nhận nếu, do kết quả của một sự kiện trong quá khứ, Nhóm Công ty có nghĩa vụ pháp lý hiện tại hoặc liên đới có thể ước tính một cách đáng tin cậy, và chắc chắn sẽ làm giảm sút các lợi ích kinh tế trong tương lai để thanh toán các khoản nợ phải trả do nghĩa vụ đó. Khoản dự phòng được xác định bằng cách chiết khấu dòng tiền dự kiến phải trả trong tương lai với tỷ lệ chiết khấu trước thuế phản ánh đánh giá của thị trường ở thời điểm hiện tại về giá trị thời gian của tiền và rủi ro cụ thể của khoản nợ đó.

**Công ty Cổ phần Thủy điện Thác Mơ**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày**  
**30 tháng 6 năm 2021 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09a – DN/HN**  
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC  
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

***Dự phòng trợ cấp thôi việc***

Theo Bộ luật Lao động Việt Nam, khi nhân viên làm việc cho công ty từ 12 tháng trở lên (“nhân viên đủ điều kiện”) tự nguyện chấm dứt hợp đồng lao động của mình thì bên sử dụng lao động phải thanh toán tiền trợ cấp thôi việc cho nhân viên đó tính dựa trên số năm làm việc và mức lương tại thời điểm thôi việc của nhân viên đó. Dự phòng trợ cấp thôi việc được lập trên cơ sở số năm nhân viên làm việc cho Nhóm Công ty và mức lương bình quân của họ trong vòng sáu tháng trước ngày kết thúc kỳ kế toán. Cho mục đích xác định số năm làm việc của nhân viên, thời gian nhân viên đã tham gia bảo hiểm thất nghiệp theo quy định của pháp luật và thời gian làm việc đã được Nhóm Công ty chi trả trợ cấp thôi việc được loại trừ.

**(l) Quỹ phát triển khoa học và công nghệ**

Quỹ phát triển khoa học và công nghệ của Công ty được trích lập từ thu nhập tính thuế hàng năm trước khi tính thuế thu nhập doanh nghiệp. Quỹ này được sử dụng cho đầu tư nghiên cứu và phát triển công nghệ của Công ty.

**(m) Vốn cổ phần**

***Cổ phiếu phổ thông***

Cổ phiếu phổ thông được ghi nhận theo mệnh giá. Phần chênh lệch giữa giá phát hành và mệnh giá cổ phiếu được ghi nhận vào thặng dư vốn cổ phần. Chi phí phát sinh liên quan trực tiếp đến việc phát hành cổ phiếu, trừ đi ảnh hưởng thuế, được ghi giảm vào thặng dư vốn cổ phần.

**(n) Quỹ đầu tư phát triển**

Quỹ đầu tư phát triển của Công ty và các công ty con được trích lập theo Nghị quyết của cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên. Quỹ này được trích lập nhằm mục đích mở rộng kinh doanh trong tương lai.

**(o) Thuế**

Thuế thu nhập doanh nghiệp tính trên lợi nhuận hoặc lỗ hợp nhất của kỳ bao gồm thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại. Thuế thu nhập doanh nghiệp được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất ngoại trừ trường hợp có các khoản thuế thu nhập liên quan đến các khoản mục được ghi nhận thẳng vào vốn chủ sở hữu, thì khi đó các khoản thuế thu nhập này cũng được ghi nhận thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế dự kiến phải nộp dựa trên thu nhập chịu thuế trong kỳ, sử dụng các mức thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc kỳ kế toán, và các khoản điều chỉnh thuế phải nộp liên quan đến những năm trước.

**Công ty Cổ phần Thủy điện Thác Mơ**

**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2021 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09a – DN/HN**

*(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

Thuế thu nhập hoãn lại được tính theo phương pháp bảng cân đối kế toán cho các chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ của các khoản mục tài sản và nợ phải trả cho mục đích báo cáo tài chính và giá trị sử dụng cho mục đích tính thuế của các khoản mục tài sản và nợ phải trả. Giá trị của thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận dựa trên cách thức dự kiến thu hồi hoặc thanh toán giá trị ghi sổ của các khoản mục tài sản và nợ phải trả sử dụng các mức thuế suất có hiệu lực hoặc cơ bản có hiệu lực tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận trong phạm vi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để tài sản thuế thu nhập này có thể sử dụng được. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại được ghi giảm trong phạm vi không còn chắc chắn là các lợi ích về thuế liên quan này sẽ sử dụng được.

**(p) Doanh thu và thu nhập khác**

**(i) Doanh thu bán điện**

Doanh thu bán điện được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất dựa trên sản lượng điện cung cấp vào hệ thống truyền tải điện và có xác nhận của khách hàng. Doanh thu không được ghi nhận nếu như có những yếu tố không chắc chắn trọng yếu liên quan tới khả năng thu hồi các khoản phải thu.

**(ii) Doanh thu cung cấp dịch vụ**

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất theo tỷ lệ phần trăm hoàn thành của giao dịch. Tỷ lệ phần trăm hoàn thành công việc được đánh giá dựa trên khảo sát các công việc đã được thực hiện. Doanh thu không được ghi nhận nếu như có những yếu tố không chắc chắn trọng yếu liên quan tới khả năng thu hồi các khoản phải thu.

**(iii) Thu nhập từ tiền lãi**

Thu nhập từ tiền lãi được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất theo tỷ lệ tương ứng với thời gian dựa trên số dư gốc và lãi suất áp dụng.

**(iv) Thu nhập từ cổ tức**

Thu nhập từ cổ tức được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất khi quyền nhận cổ tức được xác lập. Cổ tức bằng cổ phiếu không được ghi nhận là doanh thu hoạt động tài chính. Cổ tức nhận được liên quan đến giai đoạn trước khi mua khoản đầu tư được ghi giảm vào giá trị ghi sổ của khoản đầu tư.

**Công ty Cổ phần Thủy điện Thác Mơ**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày**  
**30 tháng 6 năm 2021 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09a – DN/HN**  
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC  
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

**(q) Thuê tài sản**

**(i) Tài sản thuê**

Các tài sản thuê theo các hợp đồng thuê của Nhóm Công ty được phân loại là thuê hoạt động và không được ghi nhận trên bảng cân đối kế toán của Nhóm Công ty.

**(ii) Các khoản thanh toán tiền thuê**

Các khoản thanh toán thuê hoạt động được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất theo phương pháp đường thẳng dựa vào thời hạn của hợp đồng thuê. Các khoản hoa hồng đi thuê được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất như là một bộ phận hợp thành của tổng chi phí thuê, trong suốt thời hạn thuê.

**(r) Chi phí đi vay**

Chi phí đi vay được ghi nhận là một chi phí trong báo cáo kết quả kinh doanh hợp nhất trong kỳ khi chi phí này phát sinh, ngoại trừ trường hợp chi phí đi vay liên quan đến các khoản vay cho mục đích hình thành tài sản đủ điều kiện vốn hóa chi phí đi vay thì khi đó chi phí đi vay sẽ được vốn hóa và được ghi vào nguyên giá các tài sản này.

**(s) Lãi trên cổ phiếu**

Nhóm Công ty trình bày lãi cơ bản trên cổ phiếu (EPS) cho các cổ phiếu phổ thông. Lãi cơ bản trên cổ phiếu được tính bằng cách lấy lãi hoặc lỗ thuộc về cổ đông phổ thông của Công ty (sau khi đã trừ đi khoản phân bổ vào quỹ khen thưởng, phúc lợi cho kỳ kế toán báo cáo) chia cho số lượng cổ phiếu phổ thông bình quân gia quyền lưu hành trong kỳ.

Lãi suy giảm trên cổ phiếu được xác định bằng cách điều chỉnh lãi hoặc lỗ thuộc về cổ đông phổ thông và số lượng cổ phiếu phổ thông bình quân đang lưu hành có tính đến các ảnh hưởng của cổ phiếu phổ thông tiềm năng, bao gồm trái phiếu có thể chuyển đổi và quyền mua cổ phiếu. Công ty không có các cổ phiếu có tác động suy giảm tiềm năng. Do đó, yêu cầu trình bày lãi suy giảm trên cổ phiếu không áp dụng.

**(t) Báo cáo bộ phận**

Một bộ phận là một hợp phần có thể xác định riêng biệt của Nhóm Công ty tham gia vào việc cung cấp các sản phẩm hoặc dịch vụ liên quan (bộ phận chia theo hoạt động kinh doanh), hoặc cung cấp sản phẩm hoặc dịch vụ trong một môi trường kinh tế cụ thể (bộ phận chia theo vùng địa lý), mỗi bộ phận này chịu rủi ro và thu được lợi ích khác biệt với các bộ phận khác. Mẫu báo cáo bộ phận cơ bản của Nhóm Công ty là dựa theo bộ phận chia theo hoạt động kinh doanh.



**Công ty Cổ phần Thủy điện Thác Mơ**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày**  
**30 tháng 6 năm 2021 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09a – DN/HN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC*  
*ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

**(u) Các bên liên quan**

Các bên được coi là bên liên quan của Nhóm Công ty nếu một bên có khả năng, trực tiếp hoặc gián tiếp, kiểm soát bên kia hoặc gây ảnh hưởng đáng kể tới bên kia trong việc ra các quyết định tài chính và hoạt động, hoặc khi Nhóm Công ty và bên kia cùng chịu sự kiểm soát chung hoặc ảnh hưởng đáng kể chung. Các bên liên quan có thể là các công ty hoặc các cá nhân, bao gồm cả các thành viên gia đình thân cận của các cá nhân được coi là liên quan.

**(v) Thông tin so sánh**

Thông tin so sánh trong báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ này được trình bày dưới dạng dữ liệu tương ứng. Theo phương pháp này, các thông tin so sánh của kỳ/năm trước được trình bày như một phần không thể tách rời của báo cáo tài chính kỳ hiện tại và phải được xem xét trong mối liên hệ với các số liệu và thuyết minh của kỳ hiện tại. Theo đó, thông tin so sánh trong báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ này không nhằm mục đích trình bày về tình hình tài chính hợp nhất, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của Nhóm Công ty trong kỳ trước.

**4. Tính thời vụ của các hoạt động kinh doanh**

Do hoạt động kinh doanh thủy điện phụ thuộc vào lượng nước, sản lượng bán điện thông thường sẽ thấp từ tháng 1 đến tháng 6 và cao hơn từ tháng 7 đến tháng 12 hàng năm. Mặt khác, doanh thu bán điện phụ thuộc vào việc phát triển và hoàn thành các dự án điện của Tập đoàn Điện lực Việt Nam và các điều kiện thị trường tại thời điểm các dự án điện đi vào hoạt động thương mại.

**5. Báo cáo bộ phận**

Hoạt động sản xuất kinh doanh chính của Nhóm Công ty là kinh doanh điện và hoạt động khác là kinh doanh các dịch vụ khác liên quan đến lĩnh vực điện. Trong kỳ, hoạt động sản xuất kinh doanh khác chiếm tỷ trọng không đáng kể trong tổng doanh thu và kết quả hoạt động của Nhóm Công ty, theo đó thông tin tài chính trình bày trên bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 30 tháng 6 năm 2021 và ngày 1 tháng 1 năm 2021 và toàn bộ doanh thu, chi phí trình bày trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất cho các kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2021 và ngày 30 tháng 6 năm 2020 chủ yếu liên quan đến hoạt động kinh doanh chính của Nhóm Công ty là kinh doanh điện.

Về mặt địa lý, Nhóm Công ty chỉ hoạt động trên lãnh thổ Việt Nam.

**Công ty Cổ phần Thủy điện Thác Mơ**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày**  
**30 tháng 6 năm 2021 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09a – DN/HN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC*  
*ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

**6. Tiền và các khoản tương đương tiền**

	<b>30/6/2021</b>	<b>1/1/2021</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Tiền mặt	905.198	17.574.791
Tiền gửi ngân hàng	4.625.267.117	2.423.139.908
Các khoản tương đương tiền (*)	23.420.000.000	61.900.000.000
	<hr/>	<hr/>
	28.046.172.315	64.340.714.699
	<hr/>	<hr/>

(\*) Tại ngày 30 tháng 6 năm 2021, các khoản tương đương tiền phản ánh các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn gốc không quá 3 tháng và hưởng lãi suất năm từ 3,2% đến 3,3% (1/1/2021: từ 3% đến 3,2%).

**7. Các khoản đầu tư tài chính**

**(a) Đầu tư tài chính ngắn hạn**

*Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn*

	<b>30/6/2021</b>		<b>1/1/2021</b>	
	<b>Giá gốc</b>	<b>Giá trị hợp lý</b>	<b>Giá gốc</b>	<b>Giá trị hợp lý</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn gốc từ trên ba tháng đến một năm	346.500.000.000	346.500.000.000	674.000.000.000	674.000.000.000
	<hr/>		<hr/>	

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2021, các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn này hưởng lãi suất năm từ 3,9% đến 5,1% (1/1/2021: từ 3,9% đến 4,9%).

**Công ty Cổ phần Thủy điện Thác Mơ**

Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2021 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN/HN

(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

**(b) Đầu tư tài chính dài hạn**

	Số lượng cổ phiếu	% sở hữu và quyền biểu quyết	30/6/2021			1/1/2021		
			Giá gốc/ Giá trị ghi sổ VND	Dự phòng giảm giá VND	Giá trị hợp lý VND	Giá gốc/ Giá trị ghi sổ VND	Dự phòng giảm giá VND	Giá trị hợp lý VND
<b>Đầu tư góp vốn vào các công ty liên kết (i)</b>								
• Công ty Cổ phần Phong điện Thuận Bình	4.800.000	20%	106.409.828.000	-	(*)	46.431.705.000	-	(*)
• Công ty Cổ phần Dầu tư Khai thác Hồ Thủy điện Thác Mơ	140.000	35%	1.400.000.000	-	(*)	1.400.000.000	-	(*)
			107.809.828.000	-		47.831.705.000	-	
<b>Đầu tư góp vốn vào các đơn vị khác</b>								
• Công ty Cổ phần Nhiệt điện Quảng Ninh	13.500.000	3%	149.580.000.000	-	191.700.000.000	149.580.000.000	-	158.260.500.000
• Công ty Cổ phần Cơ điện Điện lực Đồng Nai	150.000	10%	1.280.000.000	-	(*)	1.280.000.000	-	(*)
			150.860.000.000	-		150.860.000.000	-	
			258.669.828.000	-		198.691.705.000	-	



**Công ty Cổ phần Thủy điện Thác Mơ**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2021 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09a – DN/HN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC  
 ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

(i) Chi tiết đầu tư góp vốn vào các công ty liên kết:

	30/6/2021		1/1/2021	
	Giá gốc VND	Lãi lũy kế VND	Giá trị ghi sổ VND	Giá trị ghi sổ VND
• Công ty Cổ phần Phong điện Thuận Bình	100.000.000.000	6.409.828.000	106.409.828.000	48.000.000.000
• Công ty Cổ phần Đầu tư Khai thác Hồ Thủy điện Thác Mơ	1.400.000.000	-	1.400.000.000	1.400.000.000
	101.400.000.000	6.409.828.000	107.809.828.000	49.400.000.000
			(1.568.295.000)	47.831.705.000

Biến động các khoản đầu tư vào các công ty liên kết, được hạch toán theo phương pháp vốn chủ sở hữu trong kỳ như sau:

	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30/6/2021		30/6/2020	
	VND	VND	VND	VND
Số dư đầu kỳ			47.831.705.000	45.055.583.599
Phần lãi trong công ty liên kết			7.978.123.000	2.493.634.491
Tăng vốn góp trong kỳ			52.000.000.000	-
Cổ tức nhận được trong kỳ			-	(4.890.000.000)
Điều chỉnh khác			-	(208.843.229)
Số dư cuối kỳ	107.809.828.000	42.450.374.861		

(\*) Nhóm Công ty chưa xác định giá trị hợp lý của các khoản đầu tư này để thuyết minh trong báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ bởi vì không có giá niêm yết trên thị trường cho các khoản đầu tư này và Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam hiện không có hướng dẫn về cách tính giá trị hợp lý sử dụng các kỹ thuật định giá. Giá trị hợp lý của các khoản đầu tư này có thể khác với giá trị ghi sổ.



**Công ty Cổ phần Thủy điện Thác Mơ**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày**  
**30 tháng 6 năm 2021 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09a – DN/HN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC*  
*ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

**8. Phải thu ngắn hạn của khách hàng**

**(a) Phải thu của khách hàng chi tiết theo khách hàng lớn**

	<b>30/6/2021</b>	<b>1/1/2021</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Công ty Mua bán điện – Tập đoàn Điện lực Việt Nam	142.179.284.517	56.633.205.553
Các khách hàng khác	31.690.093.275	33.311.643.313
	<hr/>	<hr/>
	173.869.377.792	89.944.848.866

**(b) Phải thu của khách hàng là các bên liên quan**

	<b>30/6/2021</b>	<b>1/1/2021</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Công ty Mua bán điện – Tập đoàn Điện lực Việt Nam	142.179.284.517	56.633.205.553
Ban quản lý Dự án Thủy điện 6	10.098.878.797	10.098.878.797
Tổng Công ty Điện lực Miền Nam	8.200.656.028	5.341.823.253
Tổng Công ty Điện lực Miền Trung	5.030.643.889	5.909.572.507
Tập đoàn Điện lực Việt Nam - công ty mẹ cấp cao nhất	4.467.569.504	3.312.551.390

Các khoản phải thu thương mại từ các bên liên quan không có đảm bảo, không hưởng lãi và có thể thu được khi có yêu cầu.

**9. Phải thu ngắn hạn khác**

	<b>30/6/2021</b>	<b>1/1/2021</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
<b>Bên liên quan</b>		
Phải thu Ban quản lý Dự án Thủy điện 6 từ việc trả hộ cho dự án Nhà máy Thủy điện Thác Mơ mở rộng	27.267.692.037	27.267.692.037
Tập đoàn điện lực Việt Nam – công ty mẹ cấp cao nhất	759.734.077	1.676.607.831
<b>Bên thứ ba khác</b>		
Phải thu lãi tiền gửi và cho vay	4.037.947.000	4.032.053.452
Dự thu cổ tức	225.000.000	-
Các khoản phải thu khác	13.323.023.117	13.008.807.874
	<hr/>	<hr/>
	45.613.396.231	45.985.161.194

Các khoản phải thu phi thương mại từ các bên liên quan không có đảm bảo, không hưởng lãi và có thể thu được khi có yêu cầu.

**Công ty Cổ phần Thủy điện Thác Mơ**

**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2021 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09a – DN/HN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

**10. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi**

	30/6/2021			1/1/2021				
	Số ngày quá hạn	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá trị có thể thu hồi VND	Số ngày quá hạn	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá trị có thể thu hồi VND
<b>Nợ quá hạn</b>								
▪ Phải thu khác từ khách	Trên 3 năm	8.070.760.171	(8.070.760.171)	-	Trên 3 năm	8.070.760.171	(8.070.760.171)	-
vãng lai trước cổ phần hóa								

**11. Hàng tồn kho**

	30/6/2021		1/1/2021	
	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá gốc VND	Dự phòng VND
Nguyên vật liệu	1.035.479.092		1.047.107.886	
Công cụ và dụng cụ	14.664.500		2.429.500	
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	2.115.375.378		1.446.137.450	
	<b>3.165.518.970</b>		<b>2.495.674.836</b>	

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2021 và ngày 1 tháng 1 năm 2021, Nhóm Công ty không có hàng tồn kho ứ đọng, mất phẩm chất, hư hỏng cần trích lập dự phòng.

**Công ty Cổ phần Thủy điện Thác Mơ**

**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2021 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09a – DN/HN**

*(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

**12. Tài sản cố định hữu hình**

Nguyên giá	Nhà cửa, vật kiến trúc VND	Máy móc và thiết bị VND	Phương tiện vận chuyển VND	Thiết bị văn phòng VND	Tổng VND
Số dư đầu kỳ	1.674.232.927.793	1.271.283.015.343	122.694.759.023	10.026.086.531	3.078.236.788.690
Tăng trong kỳ	390.333.712	340.818.182	454.030.909	220.000.000	1.405.182.803
Chuyển từ xây dựng cơ bản dở dang	11.126.954.964	68.732.240.951	12.331.658.227	1.723.675.510	93.914.529.652
Số dư cuối kỳ	1.685.750.216.469	1.340.356.074.476	135.480.448.159	11.969.762.041	3.173.556.501.145
<b>Giá trị hao mòn lũy kế</b>					
Số dư đầu kỳ	1.369.120.565.741	669.453.341.847	115.047.066.529	5.762.007.473	2.159.382.981.590
Khấu hao trong kỳ	9.819.918.887	31.101.130.537	632.811.950	424.466.440	41.978.327.814
Số dư cuối kỳ	1.378.940.484.628	700.554.472.384	115.679.878.479	6.186.473.913	2.201.361.309.404
<b>Giá trị còn lại</b>					
Số dư đầu kỳ	305.112.362.052	601.829.673.496	7.647.692.494	4.264.079.058	918.853.807.100
Số dư cuối kỳ	306.809.731.841	639.801.602.092	19.800.569.680	5.783.288.128	972.195.191.741

Trong tài sản cố định hữu hình có các tài sản có nguyên giá 1.948.683 triệu VND đã khấu hao hết tại ngày 30 tháng 6 năm 2021 (1/1/2021: 1.948.683 triệu VND), nhưng vẫn đang được sử dụng.

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2021, tài sản cố định hữu hình có giá trị còn lại là 616.198 triệu VND (1/1/2021: 554.000 triệu VND) được thế chấp tại ngân hàng để bảo đảm cho các khoản vay dài hạn của Nhóm Công ty (Thuyết minh 21(b)).

**Công ty Cổ phần Thủy điện Thác Mơ**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày**  
**30 tháng 6 năm 2021 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09a – DN/HN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC*  
*ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

**13. Tài sản cố định vô hình**

	<b>Quyền sử dụng đất VND</b>	<b>Phần mềm máy vi tính VND</b>	<b>Tổng VND</b>
<b>Nguyên giá</b>			
Số dư đầu kỳ/cuối kỳ	20.591.971.225	227.480.000	20.819.451.225
<b>Giá trị hao mòn lũy kế</b>			
Số dư đầu kỳ	5.153.159.042	157.769.915	5.310.928.957
Khấu hao trong kỳ	297.769.704	20.913.024	318.682.728
Số dư cuối kỳ	5.450.928.746	178.682.939	5.629.611.685
<b>Giá trị còn lại</b>			
Số dư đầu kỳ	15.438.812.183	69.710.085	15.508.522.268
Số dư cuối kỳ	15.141.042.479	48.797.061	15.189.839.540

Trong tài sản cố định vô hình có các tài sản có nguyên giá 69 triệu VND đã khấu hao hết tại ngày 30 tháng 6 năm 2021 (1/1/2021: 69 triệu VND), nhưng vẫn đang được sử dụng.

**14. Xây dựng cơ bản dở dang**

	<b>Kỳ sáu tháng kết thúc ngày</b>	
	<b>30/6/2021 VND</b>	<b>30/6/2020 VND</b>
Số dư đầu kỳ	2.869.359.794	5.505.329.908
Tăng trong kỳ	95.642.210.031	5.174.178.339
<i>Xây dựng cơ bản dở dang</i>	94.178.592.786	1.887.922.337
<i>Chi phí sửa chữa lớn tài sản cố định</i>	1.463.617.245	3.286.256.002
Chuyển sang tài sản cố định hữu hình	(93.914.529.652)	-
Quyết toán chi phí sửa chữa lớn tài sản cố định	-	(3.286.256.002)
Số dư cuối kỳ	4.597.040.173	7.393.252.245



**Công ty Cổ phần Thủy điện Thác Mơ**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày**  
**30 tháng 6 năm 2021 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09a – DN/HN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC*  
*ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

Các công trình xây dựng cơ bản dở dang lớn như sau:

	<b>30/6/2021</b>	<b>1/1/2021</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Xây dựng Văn phòng làm việc tại Thị xã Đồng Xoài	1.297.148.276	1.297.148.276
Nâng cấp nhà kho, nhà xưởng	604.580.077	778.852.843
Cụm Dự án Nhà máy Điện Mặt Trời Thác Mơ 375MWp	646.144.203	455.400.971
Dự án Nhà máy Điện Mặt Trời Đăkrosa	450.811.814	204.545.455
Dự án Điện Mặt Trời Thác Mơ 50MWp	-	133.412.249
Chi phí sửa chữa lớn tài sản cố định đã phát sinh nhưng chưa được quyết toán (Thuyết minh 3(i))	1.463.617.245	-
Khác	134.738.558	-
	<u>4.597.040.173</u>	<u>2.869.359.794</u>

**15. Chi phí trả trước dài hạn**

	<b>Chi phí sửa chữa</b>	<b>Chi phí khai</b>	<b>Chi phí khác</b>	<b>Tổng</b>
	<b>và bảo trì</b>	<b>thác mặt nước</b>	<b>VND</b>	<b>VND</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Số dư đầu kỳ	4.345.316.615	60.606.060	912.626.368	5.318.549.043
Tăng trong kỳ	777.018.182	-	116.376.727	893.394.909
Phân bổ trong kỳ	(1.316.064.206)	(60.606.060)	(284.727.914)	(1.661.398.180)
Số dư cuối kỳ	<u>3.806.270.591</u>	<u>-</u>	<u>744.275.181</u>	<u>4.550.545.772</u>

**Công ty Cổ phần Thủy điện Thác Mơ**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày**  
**30 tháng 6 năm 2021 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09a – DN/HN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC*  
*ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

**16. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại**

	<b>Thuế suất</b>	<b>30/6/2021</b> VND	<b>1/1/2021</b> VND
Lợi nhuận chưa thực hiện	20%	1.009.107.628	1.074.355.982

**17. Phải trả người bán ngắn hạn**

**Phải trả người bán chi tiết theo các nhà cung cấp lớn**

	<b>Giá gốc và số có khả năng trả nợ</b>	
	<b>30/6/2021</b> VND	<b>1/1/2021</b> VND
Công ty CP Ứng dụng và Phát triển Công nghệ Thông tin	19.669.500.000	56.796.573.438
Các nhà cung cấp khác	6.006.603.267	6.694.685.816
	<b>25.676.103.267</b>	<b>63.491.259.254</b>

**Công ty Cổ phần Thủy điện Thác Mơ**

**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2021 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09a – DN/HN**

*(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

**18. Thuế và các khoản phải nộp/phải thu Nhà nước**

**(a) Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước**

	1/1/2021 VND	Số phải nộp trong kỳ VND	Số cán trừ trong kỳ VND	Số đã nộp trong kỳ VND	Chuyển sang thuế phải thu VND	30/6/2021 VND
<b>Thuế</b>						
Thuế giá trị gia tăng	783.904.496	30.920.422.821	(20.148.039.019)	(6.549.096.307)	-	5.007.191.991
Thuế thu nhập doanh nghiệp	12.724.945.049	29.957.180.800	-	(12.926.178.722)	-	29.755.947.127
Thuế thu nhập cá nhân	63.791.369	1.660.737.658	-	(1.367.423.500)	336.411.650	693.517.177
Thuế tài nguyên	2.600.885.544	26.058.453.668	-	(23.919.212.704)	-	4.740.126.508
Các loại thuế khác	-	884.672.203	-	(884.672.203)	-	-
<b>Các khoản phải nộp khác</b>						
Phí dịch vụ môi trường rừng	3.195.354.312	9.936.050.364	-	(7.877.448.180)	-	5.253.956.496
Phí cấp quyền khai thác tài nguyên nước	6.812.460.000	783.080.000	-	(7.595.540.000)	-	-
	26.181.340.770	100.200.597.514	(20.148.039.019)	(61.119.571.616)	336.411.650	45.450.739.299

**(b) Thuế phải thu Nhà nước**

	1/1/2021 VND	Số phát sinh trong kỳ VND	Số đã nộp/cán trừ trong kỳ VND	Chuyển từ thuế phải nộp VND	30/6/2021 VND
Thuế thu nhập cá nhân	-	-	-	336.411.650	336.411.650



**Công ty Cổ phần Thủy điện Thác Mơ**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày**  
**30 tháng 6 năm 2021 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09a – DN/HN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC*  
*ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

**19. Chi phí phải trả ngắn hạn**

	30/6/2021 VND	1/1/2021 VND
Chi phí sửa chữa lớn tài sản cố định (i)	1.463.617.245	-
Chi phí lãi vay	651.197.454	580.609.537
Chi phí khác	5.074.000.000	424.748.393
	7.188.814.699	1.005.357.930

- (i) Tại ngày 30 tháng 6 năm 2021, số dư này phản ánh chi phí sửa chữa lớn tài sản cố định đã phát sinh trong kỳ nhưng chưa được quyết toán tại thời điểm cuối kỳ (Thuyết minh 3(i)).

**20. Phải trả ngắn hạn khác**

	30/6/2021 VND	1/1/2021 VND
Cổ tức phải trả	97.625.305.231	8.577.210.056
Kinh phí công đoàn	91.224.800	94.050.260
Các khoản phải trả khác	1.175.033.153	1.109.126.578
	98.891.563.184	9.780.386.894

**21. Vay**

**(a) Vay ngắn hạn**

	Giá trị ghi sổ/ Số có khả năng trả nợ 1/1/2021 VND	Biến động trong kỳ		Giá trị ghi sổ/ Số có khả năng trả nợ 30/6/2021 VND
		Tăng VND	Giảm VND	
Vay dài hạn đến hạn trả	3.000.000.000	15.087.415.296	(1.500.000.000)	16.587.415.296



**Công ty Cổ phần Thủy điện Thác Mơ**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày**  
**30 tháng 6 năm 2021 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09a – DN/HN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC*  
*ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

**(b) Vay dài hạn**

	<b>30/6/2021</b>	<b>1/1/2021</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Vay dài hạn	458.472.120.078	335.364.939.732
Khoản đến hạn trả trong vòng 12 tháng	(16.587.415.296)	(3.000.000.000)
	<hr/>	<hr/>
Khoản đến hạn trả sau 12 tháng	441.884.704.782	332.364.939.732
	<hr/>	<hr/>

Điều khoản và điều kiện của các khoản vay dài hạn hiện còn số dư như sau:

	<b>Loại</b>	<b>Lãi</b>	<b>Năm</b>	<b>30/6/2021</b>	<b>1/1/2021</b>
	<b>tiền</b>	<b>suất</b>	<b>đảo</b>	<b>VND</b>	<b>VND</b>
		<b>năm</b>	<b>hạn</b>		
<b>Khoản vay từ:</b>					
▪ Ngân hàng Thương mại Cổ phần Công Thương Việt Nam - Chi nhánh Bình Phước (i)	VND	8,60-8,80%	2024	13.500.000.000	15.000.000.000
		Lãi tiết			
		kiệm 12			
		tháng+2-			
▪ Ngân hàng Shinhan Việt Nam (ii)	VND	2,3%	2030	444.972.120.078	320.364.939.732
				<hr/>	<hr/>
				458.472.120.078	335.364.939.732
				<hr/>	<hr/>

(i) Khoản vay từ Ngân hàng Thương mại Cổ phần Công Thương Việt Nam - Chi nhánh Bình Phước được đảm bảo bằng tài sản cố định hữu hình có giá trị còn lại tại ngày 30 tháng 6 năm 2021 là 23.361 triệu VND (1/1/2021: 25.127 triệu VND) (Thuyết minh 12).

(ii) Khoản vay này có hạn mức tối đa là 495.000 triệu VND, được sử dụng để tài trợ cho dự án xây dựng nhà máy điện mặt trời có công suất 50MWp.

Khoản vay này sẽ được hoàn trả trong 34 kỳ, tiền gốc sẽ được hoàn hàng quý bắt đầu từ tháng 6 năm 2022. Tiền lãi được hoàn hàng quý bắt đầu từ tháng 12 năm 2020.

Khoản vay này được đảm bảo bằng tài sản cố định hữu hình có giá trị còn lại tại ngày 30 tháng 6 năm 2021 là 592.837 triệu VND (1/1/2021: 528.873 triệu VND) (Thuyết minh 12).

**Công ty Cổ phần Thủy điện Thác Mơ**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày**  
**30 tháng 6 năm 2021 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09a – DN/HN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC*  
*ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

**22. Quỹ khen thưởng, phúc lợi**

Quỹ khen thưởng, phúc lợi được trích lập từ lợi nhuận sau thuế chưa phân phối theo sự phê duyệt của các cổ đông tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên. Quỹ này được sử dụng để chi trả các khoản khen thưởng và phúc lợi cho các nhân viên của Nhóm Công ty theo chính sách khen thưởng và phúc lợi của Nhóm Công ty. Biến động của quỹ khen thưởng, phúc lợi trong kỳ như sau:

	<b>Kỳ sáu tháng kết thúc ngày</b>	
	<b>30/6/2021</b>	<b>30/6/2020</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Số dư đầu kỳ	4.826.843.292	5.664.215.462
Trích lập trong kỳ (Thuyết minh 23)	7.112.344.000	8.085.492.830
Sử dụng trong kỳ	(7.153.230.800)	(5.695.685.000)
Số dư cuối kỳ	4.785.956.492	8.054.023.292

**Công ty Cổ phần Thủy điện Thác Mơ**

**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2021 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09a – DN/HN**  
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC  
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

**23. Thay đổi vốn chủ sở hữu**

	Vốn cổ phần VND	Vốn khác của chủ sở hữu VND	Quỹ đầu tư phát triển VND	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối VND	Lợi ích cổ đông không kiểm soát VND	Tổng VND
<b>Số dư tại ngày 1 tháng 1 năm 2020</b>	700.000.000.000	56.454.368.091	129.487.422.947	567.282.107.140	47.906.362.030	1.501.130.260.208
Lợi nhuận thuần trong kỳ	-	-	-	99.663.091.196	1.664.407.166	101.327.498.362
Trích lập quỹ đầu tư phát triển (Thuyết minh 26)	-	-	49.353.801.048	(49.353.801.048)	-	-
Trích lập quỹ khen thưởng, phúc lợi (Thuyết minh 22)	-	-	-	(7.804.940.127)	(280.552.703)	(8.085.492.830)
Cổ tức (Thuyết minh 25)	-	-	-	(105.000.000.000)	(7.766.392.500)	(112.766.392.500)
Điều chỉnh khác	-	-	(587.717.254)	378.874.025	-	(208.843.229)
<b>Số dư tại ngày 30 tháng 6 năm 2020</b>	700.000.000.000	56.454.368.091	178.253.506.741	505.165.331.186	41.523.823.993	1.481.397.030.011
Lợi nhuận thuần trong kỳ	-	-	-	78.859.530.849	3.029.401.157	81.888.932.006
Trích lập quỹ khen thưởng, phúc lợi	-	-	-	(305.850.000)	(194.150.000)	(500.000.000)
<b>Số dư tại ngày 1 tháng 1 năm 2021</b>	700.000.000.000	56.454.368.091	178.253.506.741	583.719.012.035	44.359.075.150	1.562.785.962.017
Lợi nhuận thuần trong kỳ	-	-	-	153.654.725.226	1.868.246.120	155.522.971.346
Trích lập quỹ đầu tư phát triển (Thuyết minh 26)	-	-	57.268.684.474	(57.268.684.474)	-	-
Trích lập quỹ khen thưởng, phúc lợi (Thuyết minh 22)	-	-	-	(6.786.498.172)	(325.845.828)	(7.112.344.000)
Cổ tức (Thuyết minh 25)	-	-	-	(506.100.000.000)	(6.213.114.000)	(512.313.114.000)
<b>Số dư tại ngày 30 tháng 6 năm 2021</b>	700.000.000.000	56.454.368.091	235.522.191.215	167.218.554.615	39.688.361.442	1.198.883.475.363

**Công ty Cổ phần Thủy điện Thác Mơ**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2021 (tiếp theo)**

Mẫu B 09a – DN/HN  
 (Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC  
 ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

**24. Vốn cổ phần**

Vốn cổ phần được duyệt và đã phát hành của Công ty như sau:

	30/6/2021		1/1/2021	
	Số cổ phiếu	VND	Số cổ phiếu	VND
<b>Vốn cổ phần được duyệt và đã phát hành</b>				
Cổ phiếu phổ thông	70.000.000	700.000.000.000	70.000.000	700.000.000.000
<b>Số cổ phiếu đang lưu hành</b>				
Cổ phiếu phổ thông	70.000.000	700.000.000.000	70.000.000	700.000.000.000

Cổ phiếu phổ thông có mệnh giá là 10.000 VND. Mỗi cổ phiếu phổ thông tương ứng với một phiếu biểu quyết tại các cuộc họp cổ đông của Công ty. Các cổ đông được nhận cổ tức mà Công ty công bố vào từng thời điểm. Tất cả cổ phiếu phổ thông đều có thứ tự ưu tiên như nhau đối với tài sản còn lại của Công ty.

Cơ cấu cổ đông của Công ty tại ngày phát hành báo cáo tài chính giữa niên độ:

	Số lượng cổ phiếu	Vốn cổ phần VND	% sở hữu
Tổng Công ty Phát điện 2 – Công ty Cổ phần (trước đây là Tổng Công ty Phát điện 2 – Công ty TNHH Một Thành viên)	36.341.500	363.415.000.000	51,92%
Công ty TNHH Năng Lượng REE	29.843.740	298.437.400.000	42,63%
Các cổ đông khác	3.814.760	38.147.600.000	5,45%
	70.000.000	700.000.000.000	100%

Công ty mẹ, Tổng Công ty Phát điện 2 – Công ty Cổ phần (trước đây là Tổng Công ty Phát điện 2 – Công ty TNHH Một Thành viên), được thành lập tại Việt Nam.

**25. Cổ tức**

Tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên ngày 15 tháng 4 năm 2021, các cổ đông của Công ty đã quyết định phân phối khoản cổ tức 506.100 triệu VND, tương đương 7.230 VND/cổ phiếu, từ lợi nhuận sau thuế chưa phân phối của năm 2020 (kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2020: phân phối khoản cổ tức 210.000 triệu VND, tương đương 3.000 VND/cổ phiếu, từ lợi nhuận sau thuế chưa phân phối của năm 2019, trong đó Công ty đã tạm ứng khoản cổ tức 105.000 triệu VND cho các cổ đông trong năm 2019).



**Công ty Cổ phần Thủy điện Thác Mơ**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày**  
**30 tháng 6 năm 2021 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09a – DN/HN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC*  
*ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

**26. Quỹ đầu tư phát triển**

Quỹ đầu tư phát triển được trích lập từ lợi nhuận sau thuế chưa phân phối theo Nghị quyết của các cổ đông tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên. Quỹ này được thành lập nhằm mục đích mở rộng kinh doanh trong tương lai. Biến động quỹ đầu tư phát triển trong kỳ như sau:

	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày	
	30/6/2021 VND	30/6/2020 VND
Số dư đầu kỳ	178.253.506.741	129.487.422.947
Trích lập trong kỳ	57.268.684.474	49.353.801.048
Điều chỉnh khác	-	(587.717.254)
Số dư cuối kỳ	235.522.191.215	178.253.506.741

**27. Các khoản mục ngoài Bảng cân đối kế toán**

**(a) Tài sản thuê ngoài**

Các khoản tiền thuê tối thiểu phải trả cho các hợp đồng thuê hoạt động không được hủy ngang như sau:

	30/6/2021 VND	1/1/2021 VND
Trong vòng một năm	1.154.492.633	1.154.492.633
Trong vòng hai đến năm năm	4.617.970.532	4.617.970.532
Trên năm năm	20.011.205.638	20.588.451.955
	25.783.668.803	26.360.915.120

**(b) Cam kết chi tiêu vốn**

Tại ngày báo cáo, Nhóm Công ty có các cam kết vốn sau đã được duyệt nhưng chưa được phản ánh trong bảng cân đối kế toán:

	30/6/2021 VND	1/1/2021 VND
Đã được duyệt và đã ký kết hợp đồng	21.455.066.413	116.349.219.591

**Công ty Cổ phần Thủy điện Thác Mơ**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày**  
**30 tháng 6 năm 2021 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09a – DN/HN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC*  
*ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

**28. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ**

Tổng doanh thu thể hiện tổng giá trị hàng bán và dịch vụ đã cung cấp, không bao gồm thuế giá trị gia tăng.

	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày	
	30/6/2021 VND	30/6/2020 VND
Tổng doanh thu		
▪ Bán điện	305.671.298.978	201.780.175.068
▪ Cung cấp dịch vụ và doanh thu khác	3.875.946.405	3.266.874.318
	<b>309.547.245.383</b>	<b>205.047.049.386</b>

**29. Giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp**

	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày	
	30/6/2021 VND	30/6/2020 VND
Tổng giá vốn		
▪ Sản xuất điện	107.599.530.083	82.556.657.742
<i>Chi phí khấu hao và phân bổ</i>	41.410.555.858	19.445.153.411
<i>Thuế tài nguyên, phí dịch vụ môi trường rừng và</i>		
<i>phí cấp quyền khai thác tài nguyên nước</i>	36.777.584.031	38.548.510.000
<i>Chi phí sửa chữa lớn tài sản cố định</i>	1.463.617.245	3.286.256.002
<i>Chi phí nhân công</i>	14.057.737.726	9.933.657.001
<i>Chi phí nguyên vật liệu</i>	4.111.866.449	5.585.398.525
<i>Chi phí khác</i>	9.778.168.774	5.757.682.803
▪ Dịch vụ đã cung cấp và giá vốn khác	2.860.248.962	2.430.441.414
	<b>110.459.779.045</b>	<b>84.987.099.156</b>

**30. Doanh thu hoạt động tài chính**

	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày	
	30/6/2021 VND	30/6/2020 VND
Thu nhập lãi tiền gửi và cho vay	12.557.559.770	27.750.396.050
Cổ tức	225.000.000	-
	<b>12.782.559.770</b>	<b>27.750.396.050</b>

**Công ty Cổ phần Thủy điện Thác Mơ**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày**  
**30 tháng 6 năm 2021 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09a – DN/HN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC*  
*ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

**31. Chi phí quản lý doanh nghiệp**

	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày	
	30/6/2021	30/6/2020
	VND	VND
Chi phí nhân viên	7.547.201.416	6.125.250.330
Chi phí khấu hao và phân bổ	886.454.684	935.102.088
Thuế, phí và lệ phí	333.056.250	22.808.194
Chi phí khác	10.303.948.213	10.296.298.754
	<b>19.070.660.563</b>	<b>17.379.459.366</b>

**32. Chi phí sản xuất và kinh doanh theo yếu tố**

	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày	
	30/6/2021	30/6/2020
	VND	VND
Chi phí nguyên vật liệu trong chi phí sản xuất	4.287.017.729	6.070.451.335
Chi phí nhân công và nhân viên	21.604.939.142	15.912.444.521
Chi phí khấu hao và phân bổ	42.297.010.542	20.380.255.499
Chi phí sửa chữa lớn	1.463.617.245	3.286.256.002
Thuế, phí và lệ phí	36.777.589.027	44.457.799.907
Chi phí khác	23.100.265.923	12.259.351.258

**33. Thuế thu nhập doanh nghiệp**

**(a) Ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất**

	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày	
	30/6/2021	30/6/2020
	VND	VND
<b>Chi phí thuế TNDN hiện hành</b>		
Kỳ hiện hành	29.957.180.800	25.187.048.735
<b>Chi phí thuế TNDN hoãn lại</b>		
Phát sinh và hoàn nhập các chênh lệch tạm thời	65.248.354	65.248.354
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp	<b>30.022.429.154</b>	<b>25.252.297.089</b>



**Công ty Cổ phần Thủy điện Thác Mơ**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày**  
**30 tháng 6 năm 2021 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09a – DN/HN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC*  
*ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

**(b) Đối chiếu thuế suất thực tế**

	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày	
	30/6/2021 VND	30/6/2020 VND
Lợi nhuận kế toán trước thuế	185.545.400.500	126.579.795.451
Thuế tính theo thuế suất của Công ty	37.109.080.100	25.315.959.090
Ảnh hưởng của các mức thuế suất ưu đãi áp dụng cho các công ty con	(843.555.246)	(28.651.196)
Ảnh hưởng của phần lãi trong công ty liên kết	(1.595.624.600)	(498.726.898)
Thu nhập không chịu thuế	(45.000.000)	-
Ảnh hưởng của mức thuế suất khác áp dụng đối với các khoản thu nhập khác	14.037.021	-
Chi phí không được khấu trừ thuế	85.832.922	14.702.553
Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa được ghi nhận	-	449.013.540
Ưu đãi thuế	(4.702.341.043)	-
	<b>30.022.429.154</b>	<b>25.252.297.089</b>

**(c) Thuế suất áp dụng**

**Công ty**

Theo Luật thuế Thu nhập Doanh nghiệp hiện hành, Công ty có nghĩa vụ nộp cho Nhà nước thuế thu nhập bằng 20% trên lợi nhuận tính thuế của hoạt động sản xuất và kinh doanh thủy điện và hoạt động kinh doanh khác.

Theo Luật thuế Thu nhập Doanh nghiệp hiện hành, Công ty có nghĩa vụ nộp cho Nhà nước thuế thu nhập bằng 10% trên lợi nhuận tính thuế trong 15 năm đầu tính từ kể từ năm đầu tiên Dự án đầu tư điện mặt trời của Công ty có doanh thu (2020). Các quy định hiện hành về thuế cho phép Công ty được miễn thuế thu nhập trong 4 năm kể từ năm đầu tiên Dự án đầu tư điện mặt trời có doanh thu (2020 đến 2023) và giảm 50% thuế thu nhập trong 9 năm tiếp theo (2024 đến 2032).

**Công ty con**

- Công ty Cổ phần Thủy điện Đăkrosa được áp dụng thuế suất 10% từ năm 2007 đến năm 2021, được miễn thuế trong 4 năm (2007 – 2010) và giảm 50% trong 9 năm (2011 – 2019).
- Công ty Cổ phần Mỹ Hưng Tây Nguyên được áp dụng thuế suất 10% từ năm 2015 đến năm 2029, được miễn thuế trong 4 năm (2015 – 2018) và giảm 50% trong 9 năm (2019 – 2027).



**Công ty Cổ phần Thủy điện Thác Mơ**

**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2021 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09a – DN/HN**

*(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

**34. Lãi cơ bản trên cổ phiếu**

Việc tính toán lãi cơ bản trên cổ phiếu được dựa trên số lãi thuộc về cổ đông phổ thông và số lượng cổ phiếu phổ thông bình quân gia quyền trong kỳ, chi tiết như sau:

**(i) Lợi nhuận thuần thuộc về cổ đông phổ thông**

	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày	
	30/6/2021	30/6/2020
	VND	VND
Lợi nhuận thuần sau thuế trong kỳ	153.654.725.226	99.663.091.196
Số phân bổ vào quỹ khen thưởng, phúc lợi (*)	-	-
Lợi nhuận thuần thuộc về cổ đông phổ thông	153.654.725.226	99.663.091.196

(\*) Tại ngày lập báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ này, Nhóm Công ty chưa thể ước tính được một cách đáng tin cậy số lợi nhuận có thể được phân bổ vào quỹ khen thưởng, phúc lợi cho các kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2021 và ngày 30 tháng 6 năm 2020. Nếu Nhóm Công ty phân bổ quỹ khen thưởng, phúc lợi, lợi nhuận thuần thuộc về cổ đông phổ thông và lãi cơ bản trên cổ phiếu sẽ giảm đi.

**(ii) Số cổ phiếu phổ thông bình quân gia quyền**

	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày	
	30/6/2021	30/6/2020
	Cổ phiếu	Cổ phiếu
Số lượng cổ phiếu phổ thông bình quân gia quyền trong kỳ	70.000.000	70.000.000

**Công ty Cổ phần Thủy điện Thác Mơ**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày**  
**30 tháng 6 năm 2021 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09a – DN/HN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC*  
*ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

**35. Các giao dịch chủ yếu với các bên liên quan**

Ngoài các số dư với các bên liên quan được trình bày tại các thuyết minh khác của báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ, trong năm Nhóm Công ty có các giao dịch chủ yếu sau với các bên liên quan:

	Giá trị giao dịch	
	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30/6/2021 VND	30/6/2020 VND
<i>Công ty mẹ cấp cao nhất</i> <b>Tập đoàn Điện Lực Việt Nam</b> Cung cấp dịch vụ	2.371.467.613	2.381.403.487
<i>Công ty mẹ</i> <b>Tổng Công ty Phát điện 2 - Công ty Cổ phần (trước đây là Tổng Công ty Phát điện 2 - Công ty TNHH Một Thành viên)</b> Chia cổ tức	218.049.000.000	54.512.250.000
<i>Các bên liên quan khác</i> <b>Công ty Cổ phần Cơ Điện Lạnh</b> Chia cổ tức	-	44.765.610.000
<b>Công ty Cổ phần Cơ điện Điện lực Đồng Nai</b> Cổ tức được nhận	-	240.000.000
<b>Công ty TNHH Năng lượng REE</b> Chia cổ tức	179.062.440.000	-
<b>Công ty Mua bán điện – Tập đoàn Điện lực Việt Nam</b> Bán điện	305.294.685.108	168.831.734.140
<b>Tổng Công ty Điện lực Miền Trung</b> Bán điện Mua hàng hóa và dịch vụ	202.175.106 56.478.644	21.790.890.279 -
<b>Tổng Công ty Điện lực Miền Nam</b> Bán điện Mua hàng hóa và dịch vụ	174.438.764 1.041.721.302	11.157.550.649 -
<i>Nhân sự chủ chốt của Công ty</i> <b>Tổng Giám đốc</b> Tiền lương và thưởng	58.500.000	282.984.000
<b>Thành viên khác trong Ban Tổng Giám đốc</b> Tiền lương và thưởng	414.000.000	435.600.000

**Công ty Cổ phần Thủy điện Thác Mơ**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày**  
**30 tháng 6 năm 2021 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09a – DN/HN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC*  
*ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

	Giá trị giao dịch	
	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30/6/2021 VND	30/6/2020 VND
<b>Thành viên Hội đồng Quản trị</b> <b>Huỳnh Văn Khánh – Chủ tịch</b> Thù lao	243.000.000	296.490.000
<b>Nguyễn Quang Quyền – Thành viên</b> Thù lao	36.000.000	36.000.000
<b>Nguyễn Văn Non – Thành viên</b> Thù lao	36.000.000	6.000.000
<b>Lê Tuấn Hải – Thành viên</b> Thù lao	36.000.000	36.000.000
<b>Đình Văn Sơn – Thành viên</b> Thù lao	-	30.000.000
<b>Lê Minh Tuấn</b> Thù lao	-	36.000.000
<b>Thành viên Ban Kiểm soát</b> Thù lao	252.600.000	252.600.000

**36. Các giao dịch phi tiền tệ từ hoạt động đầu tư**

	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày	
	30/6/2021 VND	30/6/2020 VND
Xây dựng cơ bản dở dang phát sinh nhưng chưa thanh toán	19.770.748.322	-

042-  
 NHÀ  
 TY T  
 MG  
 HỒ CH

**Công ty Cổ phần Thủy điện Thác Mơ**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày**  
**30 tháng 6 năm 2021 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09a – DN/HN**  
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC  
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

**37. Thông tin so sánh**

Thông tin so sánh được mang sang từ số liệu trình bày trong báo cáo tài chính hợp nhất của Nhóm Công ty tại ngày và cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020 và số liệu trình bày trong báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ của Nhóm Công ty cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2020.

Ngày 16 tháng 8 năm 2021

Người lập:

  
Đâu Đình Trung  
Kế toán tổng hợp

Người duyệt:

  
Bùi Thị Kim Na  
Kế toán trưởng

  
Nguyễn Văn Non  
Tổng Giám đốc



